

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tháng 2 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Hà Đông	Thành viên
Ông Phạm Anh Đông	Thành viên
Ông Đặng Văn Tiến	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên

Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



Trần Thị Thu Thủy
Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 155/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/02/2016, từ trang 03 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thông tin báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính



Số chứng thực: 12816 số 07 SCT/BS

Ngày: 21-07-2016

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THĂNG LONG

QUẬN HỒ CHÍ MINH - TP. HÀ NỘI

S.Đ.K.H.Đ. 04 - T.P.

HÀI BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0514-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2013-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.335.868.718	15.130.774.332
I. Tiền	110	5	3.606.546.964	10.552.030.310
1. Tiền	111		1.106.546.964	1.352.030.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	9.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.200.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	11.200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.513.092.685	4.485.653.635
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	109.823.682	1.910.003.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		159.705.761	211.611.274
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.243.563.242	2.314.366.438
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	49.672.830
IV. Hàng tồn kho	140		6.934.500	-
1. Hàng tồn kho	141		6.934.500	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.294.569	93.090.387
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.591.408	-
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	14	2.703.161	93.090.387
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.630.915.633	13.061.512.333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		554.142.619	577.493.840
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	2.632.744.149	2.633.427.104
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.987.051.905	2.122.051.905
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(4.065.653.435)	(4.177.985.169)
II. Tài sản cố định	220		1.448.634.799	1.926.044.251
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.448.634.799	1.926.044.251
- Nguyên giá	222		8.944.506.986	9.171.947.066
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.495.872.187)	(7.245.902.815)
III. Bất động sản đầu tư	230	11	9.571.081.937	10.506.594.101
- Nguyên giá	231		25.396.249.924	25.396.249.924
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.825.167.987)	(14.889.655.823)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		51.380.141	51.380.141
1. Đầu tư góp vốn và đơn vị khác	253	12	51.380.141	51.380.141
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.676.137	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.676.137	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.966.784.351	28.192.286.665

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 Trình bày lại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.114.725.833	6.024.641.353
I. Nợ ngắn hạn	310		6.114.725.833	5.824.476.093
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	790.641.230	2.013.090.476
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		112.118.573	21.537.746
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	686.296.170	765.924.208
4. Phải trả người lao động	314		1.525.105.999	876.315.594
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	205.720.787	216.685.400
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.325.757.453	1.085.550.202
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.404.847.274	724.834.120
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		20.000.000	76.300.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.238.347	44.238.347
II. Nợ dài hạn	330			200.165.260
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	-	200.165.260
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.852.058.518	22.167.645.312
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	22.852.058.518	22.167.645.312
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.100.000.000	12.100.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.578.289.111	2.578.289.111
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		759.350.621	759.350.621
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.414.418.786	6.730.005.580
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.730.005.580	6.991.613.323
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		684.413.206	(261.607.743)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.966.784.351	28.192.286.665



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2016

Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng

Phạm Sỹ Hòa
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		50.655.481.397	69.427.255.998
2. vụ (10 = 01)	10	19	50.655.481.397	69.427.255.998
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	35.000.679.094	51.928.882.101
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.654.802.303	17.498.373.897
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		254.835.012	369.525.785
6. Chi phí tài chính	22		17.345	79.639.567
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		-	10.334.694
7. Chi phí bán hàng	25	22	10.658.711.468	11.141.734.864
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.764.904.154	6.553.979.160
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		486.004.348	92.546.091
10. Thu nhập khác	31		397.363.636	1.835.074.843
11. Chi phí khác	32		34.313.822	1.809.547.455
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		363.049.814	25.527.388
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		849.054.162	118.073.479
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	164.640.956	379.681.222
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		684.413.206	(261.607.743)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	566	(216)



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2016

Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng

Phạm Sỹ Hòa
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	849.054.162	118.073.480
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	2	1.412.921.616	1.479.527.904
Các khoản dự phòng	3	(112.331.734)	2.343.266.521
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(552.198.648)	(368.116.185)
Chi phí lãi vay	6	17.345	10.334.694
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	1.597.462.741	3.583.086.414
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	2.198.631.131	4.524.411.000
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.934.500)	1.849.433.546
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	329.729.308	(12.636.443.177)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(12.267.545)	97.823.979
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.345)	(10.334.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(347.985.784)	(946.842.902)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.393.806.613
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(1.433.593.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.758.618.006	(3.578.652.521)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	297.363.636	1.909.155.126
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.200.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	254.835.012	368.116.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.647.801.352)	2.277.271.311
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.948.900.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.005.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.300.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(6.945.483.346)	(1.301.381.210)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.552.030.310	11.853.411.520
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	3.606.546.964	10.552.030.310



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2016

Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng

Phạm Sỹ Hòa
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/04/2005 và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 13 tháng 02 năm 2015:

- Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng;
- Vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 142 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 76 người (tại ngày 01/01/2015 là 107 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh lữ hành khách nội địa, lữ hành khách quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Kinh doanh thương mại; rượu bia, nước giải khát, thuốc lá điếu, công nghệ thực phẩm, hàng may mặc, máy móc thiết bị;
- Sản xuất giấy nhãn và bao bì;
- Mua bán chất bôi trơn làm sạch động cơ, Mua bán nhiên liệu khách dùng trong động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Hoạt động hỗ trợ vận tải hàng hóa vận chuyển hành khách;
- Sản xuất đồ uống;
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ vui chơi giải trí thể dục thể thao;
- Kinh doanh hàng điện, điện tử, điện lạnh, thiết bị văn phòng, viễn thông;
- Sản xuất suất ăn công nghiệp; Sản xuất đồ uống có ga và không ga;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ; Dịch vụ ăn uống nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh khu vui chơi giải trí, bãi biển, nhà tắm (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dạy nghề ngắn hạn, dạy nghề dài hạn; Giáo dục đáp ứng nhu cầu người học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa bằng các phương tiện ô tô, tàu hỏa; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách du lịch trên biển, tham quan thắng cảnh, phục vụ ăn uống, lưu trú qua đêm trên tàu biển (Không bao gồm kinh doanh dịch vụ quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ kho vận, bốc xếp hành lý và hàng hóa đường sắt, bốc xếp hành lý, hàng hóa đường bộ, đường thủy; Đại lý bán vé tàu hỏa, vé máy bay, vé ô tô và vé tàu thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MAU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31/12/2015, Công ty có các chi nhánh sau:

- Trung tâm Điều hành Hướng dẫn du lịch. Địa chỉ: Số 152 Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Thương mại và Kinh doanh Dịch vụ. Địa chỉ: Số 4, ngõ 880 Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;
- Khách sạn Mùa Xuân. Địa chỉ: Số 145 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- Chi nhánh Vinh. Địa chỉ: số 01 Lê Ninh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên Báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: nắm giữ 40% vốn điều lệ tại Công ty.
- Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Thương mại An Khang: nắm giữ 58,2% vốn điều lệ tại Công ty
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty thấy rằng không có khoản phải thu nào cần phải xem xét trích lập dự phòng nợ khó đòi trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	18-29
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	5-6
Tài sản cố định khác	3-5

Chi phí xây dựng cơ bản

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 18 - 27 năm.

Tại ngày 31/12/2015 chưa có cơ sở để Công ty xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên không trình bày giá trị hợp lý trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào đơn vị nhận đầu tư.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc dựa trên số vốn góp thực tế của chủ sở hữu.

Lợi nhuận được phân phối theo các quy định tại Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	141.993.284	51.934.927
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	964.553.680	1.300.095.383
Các khoản tương đương tiền (i)	2.500.000.000	9.200.000.000
	3.606.546.964	10.552.030.310

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm tại ngân hàng với lãi suất từ 5,2% đến 6,7%.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	109.823.682	1.910.003.093
Các đối tượng khác	109.823.682	1.910.003.093
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	2.632.744.149	2.633.427.104
Ngô Hữu Hậu (i)	2.527.854.271	2.528.354.271
Các đối tượng khác	104.889.878	105.072.833
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

Ghi chú: (i) Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản phải thu của Ông Hậu là không có khả năng thu hồi nên đã trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 142 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015 (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	2.243.563.242	-	2.314.366.438	-
Phải thu về cổ phần hóa	360.800.000	-	360.800.000	-
Phải thu khác:				
<i>Tạm ứng</i>	1.782.827.400	-	49.130.000	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	99.935.842	-	1.904.436.438	-
b) Dài hạn	1.987.051.905	1.486.968.572	2.122.051.905	1.621.968.572
Ký cược, ký quỹ	500.083.333	-	500.083.333	-
Phải thu khác dài hạn:				
<i>Phải thu ông Ngô Hữu Hậu</i>	1.402.254.614	1.402.254.614	1.402.254.614	1.402.254.614
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	84.713.958	84.713.958	219.713.958	219.713.958

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ông Ngô Hữu Hậu	3.930.108.885	-	3.930.108.885	-
Công ty Cổ phần Phát triển Wedo	48.677.717	-	-	-
Các đối tượng khác	140.926.119	54.059.286	247.876.284	-
	4.119.712.721	54.059.286	4.177.985.169	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	4.653.483.106	758.835.455	3.709.251.232	50.377.273	9.171.947.066
Thanh lý nhượng bán	(227.440.080)	-	-	-	(227.440.080)
Tại ngày 31/12/2015	4.426.043.026	758.835.455	3.709.251.232	50.377.273	8.944.506.986
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	3.641.173.263	545.054.047	3.009.298.232	50.377.273	7.245.902.815
Khấu hao trong năm	102.000.000	72.270.048	303.139.404	-	477.409.452
Thanh lý nhượng bán	(227.440.080)	-	-	-	(227.440.080)
Tại ngày 31/12/2015	3.515.733.183	617.324.095	3.312.437.636	50.377.273	7.495.872.187
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	1.012.309.843	213.781.408	699.953.000	-	1.926.044.251
Tại ngày 31/12/2015	910.309.843	141.511.360	396.813.596	-	1.448.634.799

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 4.509.335.629 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 4.736.775.709 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	25.396.249.924	25.396.249.924
Tại ngày 31/12/2015	25.396.249.924	25.396.249.924
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	14.889.655.823	14.889.655.823
Khấu hao trong năm	935.512.164	935.512.164
Tại ngày 31/12/2015	15.825.167.987	15.825.167.987
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	10.506.594.101	10.506.594.101
Tại ngày 31/12/2015	9.571.081.937	9.571.081.937

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Hạ Long	51.380.141	51.380.141
	51.380.141	51.380.141

Công ty sở hữu 5.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hạ Long. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015, do đó Công ty chưa có cơ sở xem xét trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính nêu trên. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, khoản đầu tư không phải lập dự phòng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
XN Đóng tàu và SC tàu thuyền TN Hải Long	488.215.476	488.215.476	488.215.476	488.215.476
Công Ty Cổ phần Tập đoàn BRG	300.000.000	300.000.000	500.000.000	500.000.000
Khác	2.425.754	2.425.754	1.024.875.000	1.024.875.000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	765.924.208	4.949.376.528	5.029.004.566	686.296.170
Thuế Giá trị gia tăng	177.091.074	1.083.571.234	1.121.949.759	138.712.549
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	304.339.544	164.640.956	347.985.784	120.994.716
Thuế Thu nhập cá nhân	95.488.939	46.774.911	137.874.153	4.389.697
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	188.319.651	3.623.252.810	3.390.058.253	421.514.208
Các loại thuế khác	685.000	31.085.083	31.085.083	685.000
Phí và lệ phí phải nộp	-	51.534	51.534	-
b) Phải thu	93.090.387	2.200.822.944	2.110.435.718	2.703.161
Thuế Giá trị gia tăng	19.273.753	2.127.006.310	2.110.435.718	2.703.161
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	73.816.634	73.816.634	-	-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền thuê nhà tại 12 Nguyễn Khuyến	182.061.816	-
Chi phí phải trả khác	23.658.971	216.685.400
	205.720.787	216.685.400

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.404.847.274	724.834.120
Tài sản thừa chờ giải quyết	21.388.998	21.388.998
Kinh phí công đoàn	46.357.043	95.219.431
Phải trả về cổ phần hóa	360.800.000	360.800.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	630.682.760	-
Phải trả tiền mua hộ vé tàu	200.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	145.618.473	247.425.691
a) Phải trả dài hạn khác	-	200.165.260
Nhận ký quỹ, ký cược	-	200.165.260

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘISố 142 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015
MÀU SỐ B 09-DN**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	12.100.000.000	2.298.728.099	619.570.115	7.564.823.143	22.583.121.357
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	(261.607.743)	(261.607.743)
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	279.561.012	139.780.506	(503.209.820)	(83.868.302)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2013	-	-	-	(70.000.000)	(70.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	12.100.000.000	2.578.289.111	759.350.621	6.730.005.580	22.167.645.312
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	684.413.206	684.413.206
Số dư tại ngày 31/12/2015	12.100.000.000	2.578.289.111	759.350.621	7.414.418.786	22.852.058.518

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 ngày 13 tháng 02 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Vốn thực tế góp	
	Tại ngày 31/12/2015 VND	Tại ngày 01/01/2015 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.840.000.000	4.840.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ thương mại An Khang	7.042.200.000	2.409.270.000
Công ty TNHH Thương Lũng Vua	-	2.385.680.000
Công ty TNHH Endo Việt Nam	-	2.250.000.000
Các cổ đông khác	217.800.000	215.050.000
	12.100.000.000	12.100.000.000
	100,00%	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.210.000	1.210.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.210.000	1.210.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.210.000	1.210.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.210.000	1.210.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại		
USD	114,88	114,88

19. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.655.481.397	69.427.255.998
Doanh thu bán hàng	-	8.370.645.852
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.655.481.397	61.056.610.146

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	-	8.269.186.961
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	35.000.679.094	43.659.695.140
	35.000.679.094	51.928.882.101

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.163.985	11.586.697.049
Chi phí nhân công	8.043.965.476	7.528.850.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.412.921.616	1.479.527.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.746.438.531	41.259.991.996
Chi phí khác bằng tiền	186.156.290	7.769.528.961
	50.461.645.898	69.624.596.125

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	4.764.904.154	6.553.979.160
Chi phí nhân viên quản lý	2.975.014.435	1.835.109.523
Chi phí khấu hao TSCĐ	72.270.048	72.270.047
Trích dự phòng phải thu khó đòi	23.168.266	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(135.500.000)	-
Chi phí trợ cấp mất việc làm	334.573.791	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.436.305.670	905.266.658
Chi phí bằng tiền khác	59.071.944	3.741.332.932
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	10.658.711.468	11.141.734.864
Chi phí vật liệu bán hàng	72.163.985	88.686.602
Chi phí nhân viên bán hàng	5.059.419.041	5.642.419.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	405.139.404	445.657.859
Tiền thuê nhà, thuê đất	4.332.590.617	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	662.314.075	936.721.272
Chi phí bằng tiền khác	127.084.346	4.028.249.167

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	849.054.162	118.073.479
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(100.686.178)	1.607.750.257
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>135.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>34.313.822</i>	<i>1.607.750.257</i>
Thu nhập chịu thuế	748.367.984	1.725.823.736
Thuế suất ưu đãi	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	164.640.956	379.681.222

Công ty tạm xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá có chênh lệch lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn lợi nhuận kế toán trước thuế 34.313.822 đồng. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

24. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	684.413.206	(261.607.743)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (Cổ phần)	1.210.000	1.210.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	566	(216)
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có số dư chủ yếu với bên liên quan như sau:

Thu nhập của Tổng Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	405.713.436	719.678.608

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động mà Công ty đã ghi nhận trong năm là 4.316.630.617 đồng (trong đó, tiền thuê đất là 3.494.983.349 đồng và tiền thuê nhà là 821.647.268 đồng)

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Các hợp đồng thuê nhà đất số 146/XNHK/HĐTNCĐ ngày 18/07/2014 và 363/XNĐĐ/HĐTNCĐ ngày 19/02/2015 với Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội. Theo các hợp đồng này, Công ty thuê nhà tại các địa điểm số 145 Lê Duẩn với diện tích thuê 124,7 m², đơn giá thuê 8.559.840 đồng/tháng, số 12 Nguyễn Khuyến với diện tích thuê 524,1 m², đơn giá thuê 66.756000 đồng/tháng. Thời hạn thuê của các hợp đồng này đều đến thời điểm 31/12/2016.

Các hợp đồng thuê đất tại các địa điểm số 142 Lê Duẩn với diện tích đất thuê 2.296,83 m², số 12 Nguyễn Khuyến với diện tích đất thuê 524,1 m².

Đất tại số 109 Linh Quang với diện tích đất thuê 1.734 m².

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	20.000.000	76.300.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.606.546.964	10.552.030.310
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	22.852.058.518	22.167.645.312
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.606.546.964	10.552.030.310
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.973.182.978	8.979.848.540
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.200.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	51.380.141	51.380.141
	<u>21.831.110.083</u>	<u>19.583.258.991</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	20.000.000	76.300.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.195.488.504	2.938.089.856
Chi phí phải trả	205.720.787	216.685.400
	<u>2.421.209.291</u>	<u>3.231.075.256</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.606.546.964	-	3.606.546.964
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.353.386.924	4.619.796.054	6.973.182.978
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.200.000.000	-	11.200.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	51.380.141	51.380.141
	<u>17.159.933.888</u>	<u>4.671.176.195</u>	<u>21.831.110.083</u>
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	20.000.000	-	20.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.195.488.504	-	2.195.488.504
Chi phí phải trả	205.720.787	-	205.720.787
	<u>2.421.209.291</u>	<u>-</u>	<u>2.421.209.291</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>14.738.724.597</u>	<u>4.671.176.195</u>	<u>19.409.900.792</u>
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.552.030.310	-	10.552.030.310
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.224.369.531	4.755.479.009	8.979.848.540
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	51.380.141	51.380.141
	<u>14.776.399.841</u>	<u>4.806.859.150</u>	<u>19.583.258.991</u>
x			
Các khoản vay	76.300.000	-	76.300.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.737.924.596	200.165.260	2.938.089.856
Chi phí phải trả	216.685.400	-	216.685.400
	<u>3.030.909.996</u>	<u>200.165.260</u>	<u>3.231.075.256</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>11.745.489.845</u>	<u>4.606.693.890</u>	<u>16.352.183.735</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 142 đường Lê Duẩn, phường Khâm Thiên,

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán, một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Trình bày theo Quyết định 15			Trình bày theo Thông tư 200		
Chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Chi tiêu	Mã số	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	15.208.184.839	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	15.130.774.332
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.513.934.142	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.485.653.635
1. Phải thu khách hàng	131	4.543.430.197	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.910.003.093
3. Các khoản phải thu khác	135	3.936.877.840	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.314.366.438
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(4.177.985.169)	4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	49.672.830
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	142.220.387	V. Tài sản ngắn hạn khác	150	93.090.387
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	49.130.000			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	12.984.101.826	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	13.061.512.333
III. Tài sản dài hạn khác	260	500.083.333	I. Các khoản phải thu dài hạn	210	577.493.840
2. Tài sản dài hạn khác	268	500.083.333	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	2.633.427.104
			2. Phải thu dài hạn khác	216	2.122.051.905
			3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(4.177.985.169)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	6.024.641.353	C. NỢ PHẢI TRẢ	300	6.024.641.353
I. Nợ ngắn hạn	310	4.738.925.891	I. Nợ ngắn hạn		5.824.476.093
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	76.300.000	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	76.300.000



Trần Thị Thu Thủy
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2016

Vũ Thị Bình
 Kế toán trưởng

Phạm Sỹ Hòa
 Người lập biểu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
 Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang,
 quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
 W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

**BẢN SAO
 COPY**

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015

Số: 160/VACO-UQ

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ:

- Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán VACO,

Tôi là: **Bùi Văn Ngọc**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Tại văn bản này ủy quyền cho: **Ông Nguyễn Đức Tiến,**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán VACO, được quyền ký và đóng dấu tất cả các văn bản, giấy tờ giao dịch với khách hàng Kiểm toán báo cáo tài chính, Tư vấn, Đào tạo và dịch vụ khác trong phạm vi được phân công.

Ông Nguyễn Đức Tiến hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ủy quyền về việc thực hiện công việc được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có giá trị trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. /.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Người được ủy quyền

NGÀY 01-08-2016

Người ủy quyền

Số CT..... 837..... Quyền số: 01..... TP/CC-SCT/SC

Nguyễn Đức Tiến



NGUYỄN ĐỨC TIẾN
 Phó Tổng Giám đốc

BÙI VĂN NGỌC
 Tổng Giám đốc

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thu

Văn phòng Hồ Chí Minh
 Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
 499 Quán Toan, P. Quán Toan
 Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
 Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316